

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ ĐẾN MỐI QUAN HỆ CHA MẸ - CON CÁI

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

Tóm tắt

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực mà việc sử dụng thiết bị công nghệ có thể gây ra với những mối quan hệ trong gia đình. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc đo lường sự tác động này vẫn còn thiếu vắng trong các cuộc nghiên cứu. Bài viết dưới đây nhằm mô tả thực trạng và một số tác động của việc sử dụng thiết bị công nghệ lên mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái.

Từ khóa: Quan hệ cha mẹ - con cái, thiết bị công nghệ

Abstract

Many international studies have pointed out the positive and negative effects of technology equipment on family relationships. However, in Vietnam, the measures of those effects have been limited in the researches. This article describes the situation and some effects of using technology equipment on parent - child relationship.

Keywords: Parent - child relationship, technology

Trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa, khi nền công nghiệp điện tử viễn thông ngày một phát triển, xã hội đã và đang đặt ra câu hỏi: Liệu việc sử dụng các thiết bị công nghệ (TBCN) có tác động đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái hay không? Nhiều nghiên cứu nước ngoài đã cho thấy việc lạm dụng các thiết bị công nghệ có thể gây những rạn nứt trong gia đình và làm mối quan hệ cha mẹ - con cái (CM - CC) trở nên lỏng lẻo hơn. Nhằm tìm hiểu và đánh giá mức độ tác động của việc sử dụng thiết bị công nghệ lên mối quan hệ gia đình, năm 2015, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện cuộc

khảo sát về chủ đề này với số lượng mẫu là 200 người thuộc hai phường ở hai quận nội thành Hà Nội. Bài viết dưới đây tập trung phân tích về sự tác động của thiết bị công nghệ lên mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái.

Sự góp mặt của công nghệ trong việc chăm sóc con cái

Hiện nay, TBCN không còn là một khái niệm xa lạ trong xã hội, đặc biệt là ở thành phố. Điều tra về *Nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội* năm 2010 cho thấy, các đồ dùng phục vụ nhu cầu văn hóa - thông tin của hộ gia đình Hà Nội như điện thoại di động có tỷ lệ tăng đột biến so với

năm 2005. Trong tổng số 1.157 hộ gia đình ở cả khu vực nội thành và ngoại thành tham gia khảo sát vào năm 2010, có 90,1% hộ gia đình có sử dụng điện thoại di động; 47,7% hộ gia đình sử dụng truyền hình cáp; 32,0% lắp đặt internet; 43,3% có máy vi tính (tính chung cả máy tính bàn và máy tính xách tay) và đã có 99,1% có tivi (3). Việc sử dụng công nghệ đã trở nên gần gũi với mọi nhóm tuổi, đặc biệt vẫn là nhóm thanh thiếu niên. *Điều tra quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam lần 2* cũng cho thấy 61% thanh thiếu niên được hỏi là có sử dụng Internet và bình quân mỗi ngày mỗi người đều dành hơn một giờ để truy cập Internet. Như vậy, có thể thấy các TBCN đang dẫn đi sâu vào trong đời sống sinh hoạt của vị thành niên (VTN) nói riêng và các gia đình nói chung (2).

Bảng 1. Thời gian trung bình sử dụng các thiết bị công nghệ khi ở nhà (%)

Thiết bị sử dụng	Không sử dụng	Dưới 1 giờ	Từ 1 - 3 giờ	3 giờ trở lên	N
Tivi	4,0	55,0	31,0	10,0	200
Máy tính để bàn	63,7	18,4	12,3	5,6	179
Máy tính xách tay	39,0	38,0	16,6	6,4	187
Máy tính bảng	64,6	23,0	9,6	2,8	178
Điện thoại di động	3,0	53,8	25,1	18,1	199

Cuộc điều tra "*Đặc điểm sử dụng thiết bị công nghệ trong gia đình Hà Nội và những yếu tố ảnh hưởng*" cho thấy, trong quá trình chăm sóc, dạy bảo con, trên tổng số 5 TBCN: tivi, điện thoại di động, máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, thì TBCN được các phụ huynh (PH) sử dụng nhiều nhất đó

là điện thoại, chiếm 31.9%, tiếp theo là đến máy tính xách tay (20.8%) và ti vi (18.1%). Hai thiết bị còn lại là máy tính để bàn và máy tính xách tay có lượng sử dụng thấp nhất. Về thời gian sử dụng các TBCN, số liệu cũng cho thấy, hiện nay, tivi không còn là phương tiện nghe nhìn chính của các gia đình trong diện khảo sát. Có khoảng 55% người trả lời (NTL) cho biết hàng ngày chỉ xem tivi dưới một giờ đồng hồ. Máy tính để bàn cũng là một thiết bị ít được sử dụng trong gia đình, một số NTL cho biết chỉ khi đi làm mới sử dụng máy tính để bàn. Về nhà thì có các phương tiện khác gọn nhẹ, cơ động hơn mà vẫn đảm bảo được công việc, nhu cầu bản thân, ví dụ như máy tính xách tay. Bên cạnh đó, có 18.1% NTL cho biết sử dụng điện thoại di động trên ba tiếng mỗi ngày.

Vậy câu hỏi đặt ra rằng, trong quá trình

chăm con, với tỉ lệ các PH sử dụng TBCN như vậy thì những tính năng nào của CN đã được khai thác trong quá trình sử dụng? Kết quả điều tra cho thấy những công dụng tích cực của công nghệ phải kể đến trong trường hợp này là: duy trì thông tin liên lạc giữa CM - CC, giữa cha mẹ - nhà trường, kiểm soát giờ giấc của con và đa dạng hóa các hình thức vui chơi giải trí giữa bố mẹ và con.

Công dụng trước tiên của công nghệ chính là để

duy trì các mối quan hệ sẵn có và củng cố các mối quan hệ xung quanh. Điện thoại được coi là cầu nối liên lạc giữa cha mẹ và con cái khi cha mẹ đi công tác vắng nhà. Số liệu điều tra cho thấy có 83% phụ huynh thường xuyên gọi điện thoại về nhà để nói chuyện cùng con khi đi xa nhà. Đây chính là một hoạt động quan

trọng trong việc duy trì tình cảm giữa cha mẹ và con cái. Bên cạnh đó, điện thoại còn là phương tiện liên lạc chủ chốt giữa phụ huynh và giáo viên nhà trường. 54,3% phụ huynh cho biết thỉnh thoảng có gọi điện thoại tới giáo viên chủ nhiệm, 30,7% thường xuyên liên lạc, đây là con số cho thấy ngoài gặp mặt trực tiếp với giáo viên, việc liên lạc qua điện thoại cũng là phương án giúp sự gắn kết giữa thầy cô, nhà trường và gia đình trở nên chặt chẽ hơn.

Bên cạnh chức năng kết nối liên lạc, điện thoại còn giúp các bậc phụ huynh kiểm soát con cái. Điển hình là trong trường hợp con không về nhà theo giờ quy định thì có tới 57.1% phụ huynh được hỏi trả lời sẽ sử dụng điện thoại để gọi điện, nhắn tin cho con. Phương án thứ 2 được nhiều phụ huynh lựa chọn đó là gọi điện, nhắn tin hỏi bạn bè/thầy cô giáo của con. Điện thoại còn giúp bố mẹ khi đi vắng biết được con mình đang làm gì, có làm bài tập

được giao hay đi chơi v.v... Một số PH chia sẻ:

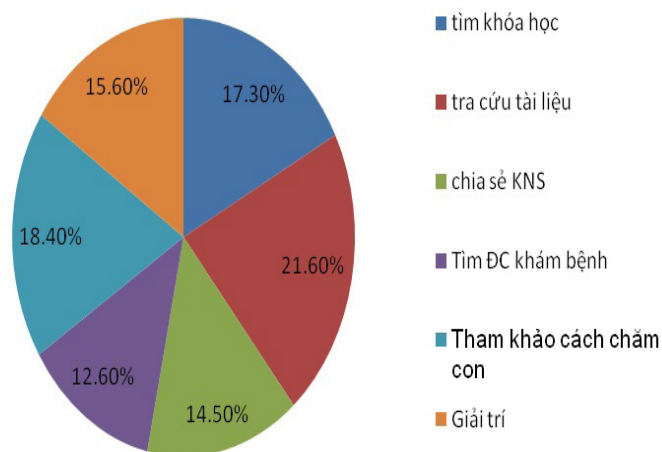
“Có điện thoại tiện chứ! Đến giờ cơm không thấy con về alo cái là được ngay. Còn đi học thêm mà về muộn, gọi không được thì cô lại gọi cho cô giáo. Có hôm thì lớp tan muộn, có hôm cô cũng nói nó có đi học đâu. Đấy, nói chung có điện thoại quản lý con cái cũng dễ hơn.”

(Nữ, 46 tuổi, phường Ngã Tư Sở)

“Có những hôm cô để cho 2 anh em ở nhà với nhau. Ngày xưa đi đâu cũng phải gửi đi trông. Bây giờ nó lớn rồi là một, thứ nữa là có điện thoại. Cô cần là gọi điện. Đến giờ cơm thì gọi xem anh em nó ăn gì, rồi hỏi thằng anh xem thằng em có chịu học bài không, đôn đốc chúng nó chăm nhau.”

(Nữ, 47 tuổi, phường Ngã tư Sở)

Ngoài ra, các thiết bị công nghệ còn mang lại nhiều tiện ích cho bố mẹ trong quá trình dạy con học và chăm sóc con. Có thể thấy mục đích lớn nhất của PH khi khai thác các ứng dụng của TBCN là để phục vụ việc tra cứu tài liệu học tập, tham khảo các hình thức chăm sóc con cái và tìm thêm các thông tin liên quan đến học tập cho con.



Biểu đồ 1: Mục đích sử dụng TBCN của cha mẹ trong quá trình chăm sóc, dạy bảo con

Có thể thấy trên Internet hiện nay có rất nhiều diễn đàn, website điện tử đăng tải các nội dung liên quan đến dinh dưỡng trẻ nhỏ, các cách dạy con khôn lớn, địa chỉ các phòng khám chữa bệnh, hay đơn giản là các bài tập, các khóa học online v.v... Chính các TBCN là cầu nối giữa trẻ em, PH với nguồn kiến thức “online” này. Việc tra cứu tài liệu trên mạng có thể giúp PH nắm bắt được nội dung học của con dễ dàng hơn, thuận tiện hơn trong quá trình kèm con học. Trước đây, muốn tìm cho con lớp học ngoại khóa, các bậc cha mẹ phải đi tìm hiểu qua bạn bè, người thân. Nhưng ngày nay, từ khi có công nghệ, cha mẹ vẫn có thể ngồi nhà để tìm kiếm những khóa học thích hợp cho con em mình.

“Cô nói thật, bảo cô dạy tiếng anh cho con thì cô chịu. Nhưng cô có máy tính. Cô cứ bật các giáo trình dạy phát âm cho con cô. Nó cũng dạy màu sắc, các con vật, số đếm. Cô thấy hay lắm. Mà người ta chắc chắn phát âm chuẩn hơn mình rồi.”

(Nữ, 45 tuổi, phường Ngã Tư Sở)

“Bây giờ có Internet thì chăm con dễ lắm. Mình muốn đưa con đi khám tai-mũi-họng thì chỉ việc search trên các diễn đàn. Ở đó các mẹ chia sẻ các cách chữa cho con, rồi cho cả thông tin phòng khám của các bác sĩ đầu ngành. Tiện vô cùng. Chứ vào bệnh viện công bây giờ đông lắm, xếp hàng đến bao giờ.”

(Nữ, 30 tuổi, phường Ngã Tư Sở)

Không chỉ góp mặt trong các hoạt động chăm sóc trí tuệ, thể chất của trẻ, công nghệ còn là một hình thức giải trí mới của cả gia đình. Vào thời gian rảnh, các hoạt động vui chơi của cha mẹ với con cái rất phong phú, ví dụ như: chơi cùng con, đưa con đi chơi, đọc sách cùng con, chơi thể thao, tập thể dục ..v.v. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của các TBCN, các bậc cha mẹ hiện nay có thêm rất nhiều lựa chọn mới như xem tivi cùng con, cùng con chơi điện tử hoặc cùng con vào Internet. Số liệu khảo sát cho thấy tỉ lệ các bậc PH cùng con tham gia 3 hoạt động nêu trên chiếm lần lượt là 7,8%, 20,1% và 16,7%, chiếm tới gần 45% trong tổng số các hoạt động thường xuyên diễn ra trong thời gian rảnh.

Như vậy, có thể thấy các TBCN giờ đây đã trở thành một công cụ hữu ích của các bậc PH trong quá trình chăm sóc, dạy bảo cũng như vui chơi cùng con. Nhờ có các TBCN, cha mẹ tiết kiệm được quỹ thời gian, có thể giám sát được các hoạt động của con, đa dạng hóa các hình thức giải trí, và quan trọng nhất là cầu nối liên lạc giúp duy trì tình cảm giữa bố mẹ và con cái khi xa nhà.

Những vấn đề liên quan đến trẻ em khi sử dụng thiết bị công nghệ và một số tác động tới quan hệ cha mẹ-con cái

Bên cạnh những mặt tích cực mà TBCN mang đến cho các PH cũng như trẻ em trong đời sống, những tác động tiêu cực mà TBCN có thể mang đến cho mối quan hệ CM-CC cũng như chất lượng sống khá đa chiều. Để giải quyết vấn đề này, các nghiên cứu cho thấy, khi con cái sử dụng các thiết bị công nghệ, PH sẽ có xu hướng kiểm soát thời gian và nội dung sử dụng của con. Tuy nhiên thời lượng sử dụng không phải vấn đề quan trọng nhất. Một nghiên cứu nước ngoài đã kết luận, việc sử dụng bao nhiêu thời gian cho việc truy cập Internet không đủ để nói lên liệu trẻ có vấn đề gì liên quan đến hành vi online hay không. Trẻ sẽ bị đánh giá là “lạm dụng Internet quá mức” khi có các hành vi truy cập liên tục, khó kiểm chế, không thể kiểm soát được. Điều này sẽ gây những ảnh hưởng tâm thần nguy hại đến trẻ khi trưởng thành. Số liệu khảo sát cho thấy có 48% các cặp bố mẹ được hỏi trả lời có quy định cả về thời gian và nội dung khi con sử dụng TBCN, 17% quy định thời gian, chỉ có 4% quy định nội dung và vẫn có tới 31% tỉ lệ PH không có quy định gì. Như vậy có thể thấy, một tỉ lệ lớn các PH vẫn chưa có những lưu ý cần thiết liên quan đến việc tham gia cùng con vào các hoạt động sử dụng công nghệ. Nhìn sâu hơn vào độ tuổi của con thì phát hiện được thêm nhiều khác biệt.

Nhìn chung, các bậc PH đều lưu ý đến việc quy định cả thời gian lẫn nội dung đối với hoạt động sử dụng thiết bị công nghệ (SDTBCN) của trẻ. Đặc biệt là đối với nhóm trẻ dưới 5 tuổi, dù là con thứ nhất hay con thứ hai, các bậc PH rất lưu ý đến việc quy định thời gian lẫn nội dung sử dụng các TBCN của con. Tỉ lệ này ở con thứ nhất là 56,6%, ở con thứ hai là 47,1%. Có thể vì ở độ tuổi này, các con chủ yếu SDTBCN để giải trí xem hoạt hình, quảng cáo, chơi games nên cần phải hạn chế.

Ngoài ra, vẫn có nhiều PH chỉ quy định một trong hai hạng mục: thời gian hoặc nội

dung đối với hoạt động SDTBCN của con. Tuy nhiên số liệu cũng cho thấy rằng, tỉ lệ PH có quy định về thời gian sử dụng cao hơn tỉ lệ PH quy định nội dung SDTBCN đối với cả ba nhóm tuổi. Điều đáng lưu ý ở đây là đối với cả con thứ nhất và con thứ hai, khi con học cấp 2 trở lên, tức là ở độ tuổi nhạy cảm nhất, dễ bị sa ngã nhất thì cha mẹ lại không hề quy định nội dung sử dụng các TBCN của con. Đây có thể tạm đánh giá là một động thái hơi “chủ quan” của PH, bởi dựa trên phân loại Tanner, tuổi dậy thì thường bắt đầu khoảng tuổi 8-13 đối với nữ và 9-14 đối với nam (1), cũng là thời điểm trẻ học cấp 2 trở lên. Vào giai đoạn này, sự phát triển sinh học của trẻ diễn ra mạnh mẽ, trẻ sẽ có những nhận thức về khác biệt giới, có những rối loạn tâm sinh lý, hình thành các cảm xúc với bạn khác giới và có nhu cầu khám phá bản thân cũng như cuộc sống bên ngoài. Có thể nói, ở giai đoạn này, nếu thiếu sự đồng hành của cha mẹ, trẻ sẽ rất dễ bị sa ngã và mắc phải những hành vi lệch chuẩn. Trong khi đó, sự phát triển của công nghệ lại tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng truy cập vào những trang web có nội dung không lành mạnh, mở rộng liên lạc với nhiều nhóm bạn ngoài nhà trường v.v... Việc 0% PH quy định cụ thể nội dung là một con số đáng báo động. Xem xét tỉ lệ PH kiểm soát cả thời gian và nội dung sử dụng của nhóm trẻ từ cấp 2 trở lên gần như thấp nhất trong 3 nhóm tuổi (đối với cả con thứ nhất và con thứ hai), có thể thấy PH vẫn chưa đánh giá được mức độ nguy hiểm nếu thả lỏng con cái truy cập nội dung tùy ý muốn.

Đáng quan tâm hơn cả là tỉ lệ các cha mẹ không có quy định gì khi con SDTBCN cũng chiếm một tỉ lệ lớn so với việc có quy định thời gian hoặc nội dung hay không. Đặc biệt là khi trẻ học cấp 2, PH có xu hướng thả lỏng cho trẻ tự do SDTBCN nhiều hơn. Đối với con thứ nhất, ở ba nhóm tuổi: dưới 5 tuổi, trẻ học cấp 1 và trẻ học từ cấp 2 trở lên, tỉ lệ này lần lượt là 26,5%,

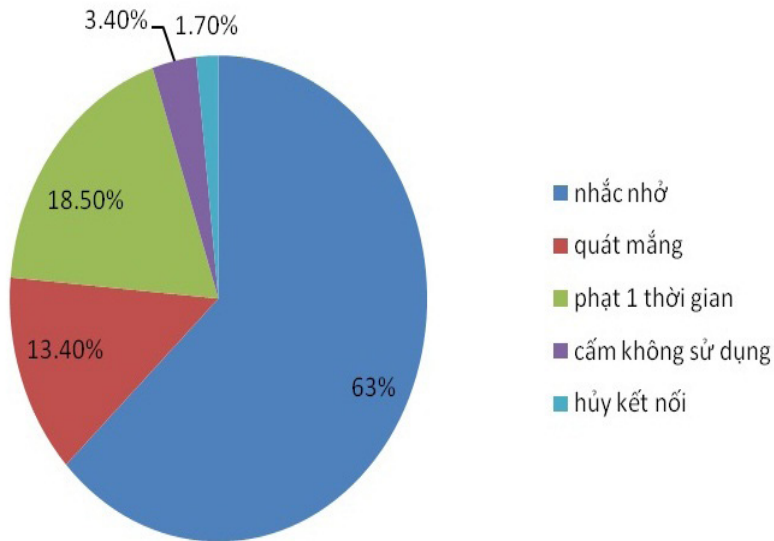
30,9%, 37,3%. Đối với con thứ hai, tỉ lệ này là 29,4%, 20% và 46,4%.

Việc quy định thời gian, nội dung SDTBCN có sự khác biệt dựa trên nhóm tuổi, giới tính và trình độ học vấn của bố mẹ. Bố mẹ càng trẻ thì càng có xu hướng quy định chặt chẽ cả về thời gian lẫn nội dung SDTBCN của con cái, cụ thể là đối với nhóm PH dưới 30 tuổi, tỉ lệ này chiếm gần 65%, trong khi đó, đối với nhóm trên 41 tuổi thì chỉ có 39%. Đặc biệt, nhóm PH 41 tuổi cũng là nhóm không có quy định gì với con cái về nội dung SDTBCN. Điều này có thể được giải thích bởi bố mẹ càng lớn tuổi thì càng bận rộn với công việc cá nhân và bị yếu tố xung quanh chi phối nhiều hơn, trong khi các bố mẹ trẻ tuổi thì mức độ tập trung cho con cái sẽ nhiều hơn. Ngoài ra, bố mẹ lớn tuổi cũng là nhóm bố mẹ có con cái đã trưởng thành hơn, do đó không kèm cặp theo sát như ở độ tuổi nhỏ nữa.

Khi phân tích yếu tố kiểm soát cùng với giới tính của NTL thì thấy tỉ lệ nam giới để con tự do SDTBCN cao hơn nữ giới (34,3% so với 27,6%), và tỉ lệ nữ giới quy định cả thời gian và nội dung SDTBCN cao hơn hẳn so với nam giới (58,2% so với 38,2%)

Bố mẹ càng có học vấn cao thì càng quy định chặt chẽ về thời gian lẫn nội dung SDTBCN đối với con. Bố mẹ làm trong cơ quan nhà nước, công ty tư nhân thì có tỉ lệ quy định thời gian lẫn nội dung SDTBCN đối với con cao hơn nhóm bố mẹ làm ngành nghề buôn bán, nội trợ. Điều đặc biệt là 50% trong nhóm nội trợ không đi làm có quy định cả thời gian lẫn nội dung, 50% còn lại là không có quy định gì. Nhưng trong bối cảnh đa phần PH đều có những kiểm soát nhất định về thời gian, nội dung đối với con cái thì vẫn có gần 70% trẻ có vi phạm những quy định bố mẹ đề ra. Để xử lý tình trạng này, 63% PH sử dụng hình thức nhắc nhở con, 18,5% phạt một thời gian. Chỉ có 13,4% có những xử lý nặng hơn là quát

mắng, phạt đòn. Và với các biện pháp có phần cực đoan như cấm không cho sử dụng và hủy các dịch vụ kết nối Internet thì chỉ có 6.1% các bậc PH áp dụng.



Biểu đồ 2 : Các hình thức xử lý vi phạm liên quan đến SĐTBCN của bố mẹ đối với con cái

Và quan trọng nhất vẫn là liệu việc SĐTBCN có làm ảnh hưởng đến thời gian cha mẹ vui chơi và hướng dẫn con cái học hành hay không. Dựa trên số liệu điều tra thu thập được, nhóm nghiên cứu nhóm 2 nhận định “Cha mẹ sử dụng công nghệ nhiều nên ít dành thời gian chơi với con” và “Sử dụng các TBCN khiến cha mẹ ít dành thời gian hướng dẫn con cái học hành” trong thang đo 5 thành một nhận định chung: “Sử dụng TBCN khiến cha mẹ ít dành thời gian cho con cái”. Theo đó, có tới 63,4% các bậc PH không đồng ý với quan điểm này. Tuy nhiên, do hạn chế của Đề tài, việc con cái có tái lập lại những vi phạm như trên hay không, liệu có bao giờ con cái có phản ứng lại với cách giải quyết của cha mẹ hay không vẫn còn là những câu hỏi bỏ ngỏ. Nhưng với những thông tin nhận được trong quá trình

khảo sát, có thể thấy, việc các TBCN đang du nhập ngày càng mạnh mẽ vào đời sống của trẻ đã làm các bậc cha mẹ lo lắng và có những biện pháp quy định cũng như phạt cảnh cáo nếu có vi phạm.

Vấn đề thứ hai đặt ra khi TBCN đang dần thâm nhập vào đời sống gia đình đó là liệu việc sử dụng TBCN có làm mối quan hệ CM-CC trở nên lỏng lẻo đi hay không. Cuộc khảo sát có đưa ra 12 nhận định về những tác động tiêu cực cũng như tích cực về việc sử dụng các TBCN. Dựa trên phương pháp nhân tố, sau khi xoay hai bảng nhân tố lần kết quả cho thấy:

$$0.5 < KMO < 1$$

Kiểm định Barlette có Sig < 0.05

Phương sai trích > 50%

Eigenvalue > 1

Trong bảng nhận định ban đầu có 12 nhận định và đều được đưa vào phân tích nhân tố. Phương pháp được sử dụng là trích Principle Component, ghép xoay Varimax, kiểm định KMO và Barlette.

Kết quả xoay nhân tố lần 1:

Hệ số KMO = 0.644 < 1 và > 0.5

Giá trị Sig trong kiểm định Barlette = 0 < 0.05

Phương sai trích = 66.558% > 50%

Eigenvalue = 2.121 > 1

Kết quả trên cho thấy, phân tích nhân tố cho ra 4 nhân tố. Trong đó, biến “TBCN giúp cha mẹ dễ dàng kiểm soát con cái” không có giá trị, nhóm 3 và 4 chỉ chứa 2 biến, không đủ

điều kiện. Do đó, nhóm nghiên cứu thực hiện thêm bước xoay lần 2.

Kết quả xoay nhân tố lần 2:

Hệ số KMO= 0.664 <1 và >0.5

Giá trị Sig trong kiểm định Barlette = 0 <0.05

Phương sai trích = 61.167% >50%

Eigenvalue =4.299 >1

Như vậy, so với 12 nhận định ban đầu, quá trình phân tích nhân tố rút ra được 2 nhân tố:

X1 “ MÃU THUẦN THỂ HỆ”= lạm dụng TBCN khiến nảy sinh khác biệt thế hệ, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, khiến con cái ít chia sẻ và khó kiểm soát quan hệ.

X2 “GIẢM THIỂU THỜI GIAN TƯƠNG TÁC GIỮA CHA MẸ, CON CÁI” = lạm dụng thiết bị khiến cha mẹ ít có thời gian hướng dẫn con học hành và vui chơi cùng con, khiến cha mẹ lạm dụng TBCN trong chăm sóc con cái.

Những tác động của công nghệ đến mối quan hệ CM - CC là một chủ đề cần nhận được nhiều sự quan tâm từ nghiên cứu. Dựa trên kết quả cuộc khảo sát, có thể thấy hiện nay sự xuất hiện của các TBCN trong đời sống gia đình, trong mối quan hệ CM-CC là phổ biến. Điểm tích cực của việc sử dụng các TBCN đó chính là tăng cường, thắt chặt mối liên hệ giữa CM - CC, giữa cha mẹ - nhà trường - bạn bè của con, qua đó cũng chính là để hỗ trợ cho việc nuôi dạy, định hướng con cái. Ngoài ra, TBCN còn là trợ thủ đắc lực cho các bậc PH tìm kiếm thông tin, chương trình học tập cho con; là công cụ kiểm soát các hoạt động của con và cũng là phương tiện giải trí hữu hiệu được ưa chuộng. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những ảnh hưởng tiêu cực của các TBCN đến quan hệ CM-CC. Trước hết, việc con cái sử dụng các TBCN vượt quá quy định cho phép của bố mẹ sẽ dẫn tới sự lo lắng cũng như những hình phạt mà bố mẹ có thể áp dụng để giải quyết tình hình. Ngoài ra, giữa thời đại công nghệ như hiện nay, những mối lo như cha mẹ lạm dụng TBCN và không dành thời gian cho con cái không

chỉ xuất hiện ở xã hội Châu Âu, mà ngay cả ở Việt Nam, cụ thể là ở Hà Nội, tại những địa bàn nghiên cứu thì các PH cũng đều có những mối lo ngại nhất định về việc lạm dụng TBCN dẫn tới mối quan hệ CM-CC bị lỏng lẻo và xa rời.

N.T.H.H

(Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới)

Tài liệu tham khảo

1. Đào Xuân Dũng (2010), *Báo cáo chuyên đề Dậy thì, SKSS, SKTD của thanh thiếu niên Việt Nam*, Tổng cục DS KHHGD, Quỹ Dân số Liên Hợp quốc, Ngân hàng Phát triển Châu Á xuất bản.
2. Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Đình Anh (2010), *Báo cáo chuyên đề Thanh thiếu niên Việt Nam với việc tiếp cận và sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng*, Tổng cục DS KHHGD, Quỹ Dân số Liên Hợp quốc, Ngân hàng Phát triển Châu Á xuất bản.
3. Nguyễn Hữu Minh (2014), *Đời sống văn hóa của cư dân Hà Nội*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Phí Hải Nam (2015), *Đặc điểm sử dụng thiết bị công nghệ trong gia đình Hà Nội và những yếu tố ảnh hưởng*, Đề tài cơ sở năm 2015, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Ngày nhận bài: 6 - 11 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 15 - 12 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 12 - 2017